



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **51** /KH-UBND

Quảng Ngãi, ngày **07** tháng 3 năm 2025

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ
về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện
Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị
về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo
và chuyển đổi số quốc gia**

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 03/NQ-CP) và Kế hoạch số 336-KH/TU ngày 25/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; ý kiến thống nhất của tập thể UBND tỉnh, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tuyên truyền, quán triệt, phổ biến và triển khai kịp thời, có hiệu quả quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 03/NQ-CP.

- Xác định rõ chỉ tiêu, nhiệm vụ để thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 03/NQ-CP và Kế hoạch số 336-KH/TU ngày 25/02/2025 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi nhằm góp phần đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng phát triển xanh, bền vững và đa dạng; cơ cấu lại nền kinh tế hài hòa, hợp lý gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, đưa Quảng Ngãi trở thành trung tâm công nghiệp, điểm đến du lịch nổi bật và là đầu mối kết nối kinh tế với khu vực Tây Nguyên và khu vực duyên hải miền Trung.

2. Yêu cầu

- Xác định nhiệm vụ cụ thể của các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố nhằm triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung nhiệm vụ được Chính phủ giao cho địa phương thực hiện tại Nghị quyết số 03/NQ-CP.

- Phát huy các nguồn lực, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ đề ra; tiến hành rà soát hàng năm và định kỳ 3 năm, 5 năm tổ chức sơ kết, tổng kết để đánh giá

toàn diện việc triển khai thực hiện Kế hoạch. Kịp thời điều chỉnh, bổ sung, cập nhật các nhiệm vụ, giải pháp mới, đảm bảo đạt kết quả, hiệu quả trong quá trình triển khai nhằm đạt được các mục tiêu đã hoạch định, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra.

- Việc thực hiện phải gắn với các Chương trình, Kế hoạch của UBND tỉnh đã ban hành liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong tất cả các lĩnh vực.

II. CHỈ TIÊU CHỦ YẾU *(Chi tiết tại Phụ lục I)*

III. NHIỆM VỤ

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Xây dựng và tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng: đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác; cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng người dân, doanh nghiệp, chính quyền các cấp; kế hoạch tuyên truyền phải có mục tiêu, có bộ tiêu chí đánh giá cụ thể, định kỳ đo lường và công bố kết quả.

b) Xây dựng, ban hành quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức; quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hằng năm. Việc xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch, đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phải được cụ thể trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị.

c) Xây dựng nền tảng số, công cụ số để thực hiện đo lường trực tuyến mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số.

d) Định kỳ đánh giá, công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước; kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, phục vụ công tác thi đua, khen thưởng hằng năm.

đ) Phân đầu bố trí tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước, hướng đến tối thiểu đạt 25%.

e) Tổ chức thực hiện việc khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm với nội dung và hình thức phù hợp với từng đối tượng cụ thể theo thẩm quyền.

g) Ứng dụng các nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà cung cấp miễn phí kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp.

h) Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về kiến thức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

i) Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.

k) Phát động phong trào thi đua trong toàn tỉnh để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân để thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù nhỏ nhất.

l) Phát động phong trào phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc trong mọi cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Rà soát, tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao; cụ thể hóa các quy định pháp luật phù hợp với thực tiễn của tỉnh Quảng Ngãi để bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của mọi ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

b) Cụ thể hóa các quy định về cơ chế tài chính trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cấp tỉnh; đơn giản hóa tối đa hồ sơ, thủ tục quản lý sử dụng và thanh quyết toán đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển đổi số, giao quyền tự chủ trong sử dụng

kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; thực hiện chính sách bảo hộ sở hữu trí tuệ gắn với cơ chế chia sẻ lợi ích từ kết quả nghiên cứu, ứng dụng.

c) Nghiên cứu thành lập và sử dụng các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số theo quy định hiện hành.

d) Rà soát, bổ sung chính sách khuyến khích hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; khuyến khích, thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng các kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm và dịch vụ số trên địa bàn tỉnh.

đ) Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước từ tỉnh đến cơ sở để đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

e) Rà soát các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ của các cơ quan trên địa bàn tỉnh theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả dữ liệu số và công nghệ số.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Tổ chức triển khai các chiến lược, chương trình, đề án phát triển hạ tầng năng lượng; bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, các ngành công nghiệp chiến lược. Quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của địa phương để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

b) Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đầu tư nguồn lực cho nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp sáng tạo trong học sinh, sinh viên; phát triển tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ, từng bước nắm bắt và làm chủ công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

c) Tổ chức kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số. Triển khai các chương trình, dự án thúc đẩy các lĩnh vực công nghệ, đổi mới sáng tạo; đến năm 2030, triển khai từ 01 - 02 dự án, chương trình trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ số, nhà máy thông minh, đô thị thông minh,...

d) Xây dựng, triển khai Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm cho người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công

bổ công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển kinh tế số, xã hội số.

đ) Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn tỉnh.

e) Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số.

g) Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng tăng cường ứng dụng Internet vạn vật (IoT) để trở thành khu công nghiệp, cụm công nghiệp thông minh. Thúc đẩy, phát triển một số ngành, lĩnh vực ứng dụng công nghiệp IoT như sản xuất, thương mại, nông nghiệp, năng lượng, giao thông, y tế,...

h) Khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo.

i) Thực thi đầy đủ các chiến lược, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ, thực hiện toàn diện và đồng bộ các nội dung Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

b) Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM; xây dựng và triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng STEM từ sớm.

c) Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển của doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

d) Xây dựng, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực chuyển đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, địa phương.

đ) Triển khai chương trình, kế hoạch đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, ưu tiên đưa lao động kỹ thuật có tay nghề đi làm việc ở những thị trường có thu nhập cao, an toàn và tiếp tục phát huy nguồn lực này sau khi về nước, phù hợp với định hướng, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

e) Triển khai các chương trình đào tạo cử nhân, kỹ sư, thạc sĩ và tiến sĩ tài năng trong các ngành các ngành kỹ thuật và công nghệ then chốt phục vụ phát triển công nghệ chiến lược; các chương trình đào tạo, đào tạo lại đội ngũ kỹ thuật viên, đào tạo nghề chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao. Đào tạo các ngành nghề đặc thù cho doanh nghiệp đầu tư, hoạt động trên địa bàn tỉnh, chuẩn bị nguồn lực cho Trung tâm Lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

a) Xây dựng, triển khai Chương trình phát triển Chính quyền số tỉnh Quảng Ngãi với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm cho người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển Chính quyền số.

b) Xây dựng quy định đảm bảo liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của cả hệ thống chính trị.

c) Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số để xây dựng các cơ sở khoa học nhằm trợ giúp việc ra quyết định trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước.

d) Hoàn thiện mô hình Trung tâm giám sát điều hành thông minh từ tỉnh đến cơ sở nhằm tăng cường quản lý công, nâng cao hiệu lực quản trị, hiệu quả điều hành của các cấp chính quyền; thực hiện chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước trực tuyến, dựa trên dữ liệu; nâng cao tương tác giữa chính quyền và người dân; giám sát trực tuyến và toàn diện, kịp thời cảnh báo, phát hiện sớm để phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

đ) Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.

e) Chính quyền các cấp sẵn sàng hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).

g) Phát triển và làm chủ công nghệ các nền tảng số đảm bảo an toàn, nhiều tiện ích cho người dân; phổ cập nhanh các dịch vụ số thiết yếu cho người dân.

h) Triển khai kế hoạch của Chính phủ để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số.

i) Xây dựng văn hóa số cộng đồng, đồng thời giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc bản địa tỉnh Quảng Ngãi, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam trên môi trường số; triển khai áp dụng bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng.

k) Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa để phát triển công nghiệp văn hoá. Xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao; khuyến khích, thu hút đông đảo cộng đồng tham gia sáng tạo, sản xuất các sản phẩm văn hóa số tích cực, lành mạnh và hướng thiện trên môi trường số. Thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hoá, các di sản văn hóa số. Huy động, khuyến khích và xây dựng cơ chế đãi ngộ, động viên đội ngũ trí thức, thanh niên là lực lượng tiên phong xây dựng văn hóa số.

l) Triển khai các biện pháp quyết liệt, xử lý kịp thời các hiện tượng văn hóa số không lành mạnh, ảnh hưởng tới giá trị chung của xã hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt là trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương trên không gian mạng.

m) Xây dựng triển khai nền tảng số nhằm giám sát và thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường; hệ thống thông tin địa lý; hệ thống giao thông thông minh.

n) Ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, hỗ trợ phân tích, cảnh báo về nguy cơ quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.

o) Phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng.

p) Tăng cường ứng dụng công nghệ số, công nghệ quốc phòng mới trong các hệ thống chỉ huy, điều hành, quản lý lực lượng vũ trang, hoạt động quốc phòng, an ninh.

q) Xây dựng, triển khai các cơ chế, biện pháp, nền tảng số để ngăn chặn, đấu tranh hiệu quả đối với tội phạm trong lĩnh vực chuyển đổi số, tội phạm lợi dụng không gian mạng. Tập trung xây dựng, củng cố các lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

a) Rà soát, xây dựng và triển khai các chương trình, đề án hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ và chuyển đổi số, nâng cao năng lực tiêu chuẩn hóa, phát triển tài sản trí tuệ, xây dựng thương hiệu và khai thác giá trị sáng chế, giải pháp hữu ích để nâng cao năng suất chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

b) Tổ chức thực hiện các giải pháp để đẩy mạnh việc chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

c) Công bố danh mục các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh để các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tham gia giải quyết.

d) Triển khai Đề án hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong tỉnh để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an toàn an ninh mạng. Triển khai Đề án hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số.

đ) Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số, tổ chức, cá nhân có năng lực, thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số; chính sách hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số khai thác tốt thị trường chuyển đổi số trong nước vươn ra quốc tế; thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

e) Xây dựng, triển khai bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp; bộ tiêu chí để xác định doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các tỉnh, thành phố khu vực duyên hải miền Trung; bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư cho chuyển đổi số. Xây dựng công cụ đánh giá trực tuyến và định kỳ tổ chức đánh giá, công bố kết quả.

g) Triển khai các chương trình đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số của doanh nghiệp trong các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, công nghiệp, giáo dục, y tế, giao thông, du lịch,...

h) Triển khai các chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho

người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Học tập kinh nghiệm quốc tế, kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm quốc tế phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tỉnh Quảng Ngãi; đẩy mạnh ngoại giao công nghệ, thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước, nâng cao trình độ công nghệ các ngành sản xuất trọng điểm.

b) Tích cực, chủ động tham gia về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ chế hợp tác đa phương; nghiên cứu khả năng tham gia các cơ chế, sáng kiến hợp tác mới về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

c) Tích cực tham gia, cử cán bộ lãnh đạo của tỉnh tham gia các hội nghị toàn quốc về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia với sự tham gia của các chuyên gia trong và ngoài nước.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ưu tiên bố trí nguồn lực về tài chính để đảm bảo triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này.

2. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước theo phân cấp; nguồn ngân sách chi cho hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển đổi số; nguồn xã hội hóa, nguồn viện trợ và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, định kỳ hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện (qua Sở Khoa học và Công nghệ).

- Rà soát các chương trình, kế hoạch thực hiện các Nghị quyết, Kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành, còn hiệu lực thực hiện có liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để điều chỉnh, đồng bộ thống nhất với Kế hoạch này, hoàn thành trong năm 2025.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban ngành, địa phương liên quan tổng hợp, tham mưu cấp thẩm quyền xem xét, bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn và kế hoạch vốn hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch (nếu có) đảm bảo theo quy định.

- Trên cơ sở dự toán do các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố lập; có trách nhiệm tổng hợp, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; kịp thời báo cáo và kiến nghị UBND tỉnh các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả; thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ và UBND tỉnh.

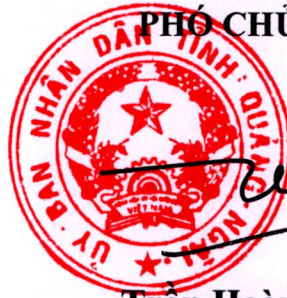
4. Định kỳ 3 năm, 5 năm đánh giá hiệu quả hoạt động theo các tiêu chí đã ban hành để điều chỉnh phù hợp với tình hình, xu thế phát triển mới.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Kế hoạch; các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động đề xuất gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Ngãi;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng chuyên môn, TTPV-KSTTHC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.th172

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hoàng Tuấn

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 04 /KH-UBND ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Đến năm 2030			
1	Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Thứ bậc	Thuộc nhóm các địa phương ở mức khá về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp	Thứ bậc	Đạt mức trên trung bình của cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Xếp hạng năng lực cạnh tranh số	Thứ bậc	Nhóm 20 tỉnh thành có thứ hạng cao	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Xếp hạng chỉ số phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số	Thứ bậc	Nhóm 20 tỉnh thành có thứ hạng cao	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Xếp hạng về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, trung tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ số mà tỉnh có lợi thế	Thứ bậc	Nhóm 30 tỉnh thành có thứ hạng cao	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Số doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các tỉnh duyên hải miền trung	Doanh nghiệp	≥ 5	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Tỉ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	≥ 55	Cục Thống kê tỉnh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
8	Tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu	%	≥ 50	Sở Khoa học và Công nghệ
9	Quy mô kinh tế số	% GRDP	≥ 30	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử			
10.1	Tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	≥ 80	Văn phòng UBND tỉnh
10.2	Tỉ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	90	Văn phòng UBND tỉnh
10.3	Tỉ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
10.4	Tỉ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
10.5	Tỉ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Văn phòng UBND tỉnh
10.6	Tỉ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	80	Văn phòng UBND tỉnh
10.7	Tỉ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	%	70	Văn phòng UBND tỉnh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
10.8	Tỉ lệ cắt giảm hoặc tự động hóa thủ tục hành chính về cấp phép	%	≥30	Văn phòng UBND tỉnh
10.9	Tỉ lệ cắt giảm thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện cấp phép	%	50	Văn phòng UBND tỉnh
10.10	Tỉ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
10.11	Tỉ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	100	Văn phòng UBND tỉnh
10.12	Tỉ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
11	Tỉ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	%	≥ 80	Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước
12	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo	%	≥ 30	Sở Khoa học và Công nghệ
13	Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người Việt Nam duy trì chỉ số phát triển con người (HDI)	Chỉ số phát triển con người (HDI)	≥ 0,7	Sở Khoa học và Công nghệ
14	Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	% GRDP	2,0	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
15	Tỷ trọng kinh phí từ xã hội trên kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)	%	≥ 50	Sở Khoa học và Công nghệ
16	Chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia	% tổng chi NSNN	$\geq 3\%$ và tăng dần theo yêu cầu phát triển	Sở Tài chính
17	Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo	Người/vạn dân	10	Sở Khoa học và Công nghệ
18	Tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng toàn quốc	Tổ chức	1 - 2	Sở Khoa học và Công nghệ
19	Tỉ lệ đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế; tỉ lệ khai thác thương mại 3-5%	%	5 – 10	Sở Khoa học và Công nghệ
20	Hạ tầng số		Tiến tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm các tỉnh khu vực duyên hải miền Trung	Sở Khoa học và Công nghệ
20.1	Tỉ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ
20.2	Phủ sóng 5G cho người dân	% dân số	90	Sở Khoa học và Công nghệ
21	Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh tại các phường, thị trấn, thị tứ có đủ điều kiện	phường, thị trấn, thị tứ	≥ 10	Sở Khoa học và Công nghệ
22	Quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành	%	100	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị			
23	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	≥ 95	Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước
24	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	≥ 50	Sở Khoa học và Công nghệ
25	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	%	≥ 85	Sở Y tế
26	Xếp hạng về an toàn thông tin mạng	Thứ bậc	≤ 10	Công an tỉnh
II	Đến năm 2045			
27	Quy mô kinh tế số	% GRDP	≥ 50	Sở Khoa học và Công nghệ
28	Chỉ số đổi mới sáng tạo	Thứ bậc	≤ 30	Sở Khoa học và Công nghệ
29	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số	Số doanh nghiệp/ 1000 dân	1	Sở Khoa học và Công nghệ
30	Số doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các tỉnh duyên hải miền trung	Doanh nghiệp	≥ 10	Sở Khoa học và Công nghệ



Phụ lục II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 51 /KH-UBND ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
I.	Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
1.	Xây dựng kế hoạch triển khai Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ. Cụ thể hóa nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện		Tháng 3/2025
2.	Tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết 57-NQ/TW theo hướng: đa dạng hóa các hình thức, cụ thể hóa nội dung và có mục tiêu cụ thể.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Dân tộc và Tôn giáo; UBND cấp huyện; các cơ quan báo chí; Đài PTTH tỉnh	Thường xuyên
3.	Xây dựng chuyên mục về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện; các cơ quan báo chí; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	Thường xuyên
4.	Xây dựng văn bản quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ,	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Quý III/2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị.			
5.	Triển khai thực hiện Đề án đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước.	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Quý IV/2025
6.	Bổ trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước.	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện		Thường xuyên
7.	Tổ chức thực hiện việc khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm với nội dung và hình thức phù hợp với từng đối tượng cụ thể theo thẩm quyền trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Quý II/2026
8.	Xây dựng nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà cung cấp các kiến thức về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kiến thức, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Quý II/2026
9.	Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện		Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
	tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số.			
10.	Triển khai các phong trào học tập trên các nền tảng số thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Thường xuyên
11.	Rà soát, sửa đổi, ban hành các quy định về thi đua, khen thưởng bằng nhiều hình thức, kịp thời tôn vinh, biểu dương, khen thưởng xứng đáng các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Quý II/2026
II.	Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
12.	Cụ thể hóa các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngay khi Trung ương hoàn thiện thể chế theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW	Các sở, ban ngành liên quan	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	
13.	Tổ chức rà soát các quy định pháp luật để tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện		Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
14.	Xây dựng, hoàn thiện quy định pháp luật để đảm bảo hành lang pháp lý cho hoạt động của mọi ngành, lĩnh vực trên môi trường số.	Các sở, ban ngành liên quan	Các Sở, ban ngành liên quan	Quý IV/2026
15.	Nghiên cứu thành lập và sử dụng các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số theo quy định của Trung ương	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	
16.	Rà soát, bổ sung chính sách khuyến khích hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; khuyến khích, thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng các kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm và dịch vụ số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên
17.	Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước từ tỉnh đến huyện để đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện		Thường xuyên
18.	Triển khai định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá lập dự toán chi phí các hoạt động liên quan đến chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo mật CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành; làm căn cứ để các sở, ngành, địa phương xây dựng dự toán thực hiện kế hoạch thực hiện chiến lược dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
19.	Rà soát, điều chỉnh các quy trình nội bộ để phù hợp xử lý trên môi trường điện tử; thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt sáng tạo, hiệu quả cho phép sử dụng các giấy tờ điện tử tích hợp trên tài khoản định danh điện tử thay thế với giấy tờ giấy khi thực hiện các thủ tục hành chính; cắt giảm các thành phần hồ sơ khi dữ liệu đã được số hóa	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý I/2026
20.	Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các chính sách: hỗ trợ, cấp học bổng cho người học các ngành Khoa học, kỹ thuật và công nghệ then chốt trên địa bàn tỉnh; thu hút người có trình độ cao, trọng dụng các nhà khoa học, các chuyên gia, người có tài năng, chú trọng thu hút nhân lực số phục vụ phát triển kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn; hỗ trợ lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Quý II/2026
III.	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia			
21.	Tổ chức triển khai các chiến lược, chương trình, đề án phát triển hạ tầng năng lượng; bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, các ngành công nghiệp chiến lược	Sở Công Thương	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
22.	Quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên
23.	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đầu tư nguồn lực cho nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp sáng tạo trong học sinh, sinh viên; phát triển tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ	Các sở, ban ngành liên quan; các trường đại học, cao đẳng		Thường xuyên
24.	Tổ chức kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên
25.	Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện		Thường xuyên
26.	Tiếp tục triển khai Đề án đô thị thông minh đã được phê duyệt	Sở Xây dựng, UBND cấp huyện	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
27.	Xây dựng, triển khai đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, nông nghiệp thông minh, năng lượng thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,...	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
28.	Xây dựng Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Quý IV/2025
29.	Triển khai Kế hoạch phát triển hạ tầng số đã được phê duyệt.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên
30.	Xây dựng, ban hành danh mục các chương trình, nhiệm vụ, dự án về hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành	Thường xuyên
31.	Xây dựng danh mục, kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của các ngành, lĩnh vực, vùng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Quý IV/2025
32.	Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Quý IV/2028
33.	Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Ban Quản lý KKT Dung Quất và Các KCN tỉnh; Các địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý IV/2025
34.	Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành để phát triển kinh tế - xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Quý IV/2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
35.	Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Quý IV/2026
36.	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết THHC cấp Sở, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Thường xuyên
37.	Triển khai các chiến lược, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực	Các sở, ban ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Quý IV/2026
IV.	Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia			
38.	Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 18/9/2024 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 09/7/2024 của Chính phủ và Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 08/01/2024 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
39.	Triển khai Đề án phát triển, trọng dụng nhân tài, nhân lực chất lượng cao, nhất là cán bộ chuyên gia đầu ngành phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để triển khai Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Quý IV/2026
40.	Thực hiện chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực chuyển đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, địa phương	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Thường xuyên
41.	Triển khai chương trình, kế hoạch đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, ưu tiên đưa lao động kỹ thuật có tay nghề đi làm việc ở những thị trường có thu nhập cao, an toàn và tiếp tục phát huy nguồn lực này sau khi về nước, phù hợp với định hướng, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên
V.	Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh			
42.	Xây dựng, triển khai Chương trình phát triển Chính quyền số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Quý IV/2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
43.	Xây dựng quy định đảm bảo liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của cả hệ thống chính trị	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Các cơ quan Đảng, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	Quý IV/2025
44.	Triển khai Mô hình Trung tâm giám sát, điều hành thông minh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Quý III/2025
45.	Xây dựng Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện, UBND xã	Quý III/2025
46.	Tập trung số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai	Các sở ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Các Sở: Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Nông nghiệp và Môi trường	Thường xuyên
47.	Nghiên cứu, đề nghị các doanh nghiệp cung cấp chữ ký số công cộng có chế độ ưu đãi cấp chữ ký số cho các cơ sở y tế, cán bộ, nhân viên y tế và miễn phí cấp chữ ký số cho người bệnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Y tế	Quý III/2025
48.	Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số hình thành công dân số	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã		Quý IV/2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
49.	Triển khai áp dụng quy tắc ứng xử trên không gian mạng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND xã	Thường xuyên
50.	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, các địa phương	Quý IV/2027
51.	Tiếp tục triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh (Đề án 06)	Các sở, ban ngành liên quan	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên
VI.	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp			
52.	Rà soát, xây dựng và triển khai chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ và chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		Thường xuyên
53.	Xây dựng danh mục các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Hàng năm
54.	Rà soát, xây dựng và triển khai có hiệu quả các chương trình, đề án khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
55.	Triển khai Đề án chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh	Sở Khoa học và Công nghệ, Liên minh HTX tỉnh	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Quý IV/2025
56.	Triển khai Đề án hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong tỉnh để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an toàn an ninh mạng	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Công an tỉnh	Sở Tài chính	Quý IV/2025
57.	Triển khai Đề án hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Quý IV/2026
58.	Tiếp tục triển khai bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Hàng năm
59.	Xây dựng bộ tiêu chí để xác định doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các tỉnh, thành phố khu vực duyên hải miền Trung	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Quý II/2026
60.	Triển khai bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư cho chuyển đổi số. Xây dựng công cụ đánh giá trực tuyến và định kỳ tổ chức đánh giá, công bố kết quả.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Quý IV/2025
61.	Triển khai các chương trình đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, công nghiệp, giáo dục, năng lượng, y tế, giao thông, du lịch,...	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện		Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
62.	Triển khai các chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
VII	Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
63.	Tổ chức học tập kinh nghiệm quốc tế, các tỉnh, thành phố có các mô hình, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hiệu quả, phù hợp với thực tế của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Hàng năm
64.	Triển khai quy định về lập các cơ sở nghiên cứu chính sách về công nghệ số, chuyển đổi số tại các doanh nghiệp để nghiên cứu, ứng dụng, hợp tác chuyển giao những thành tựu công nghệ số hiện đại từ nước ngoài vào trong nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Quý IV/2026
65.	Tích cực, chủ động tham gia định hình các khuôn khổ, quy tắc, quản trị về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ chế hợp tác đa phương; nghiên cứu khả năng tham gia các cơ chế, sáng kiến hợp tác về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên